

PHỤ LỤC IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CP SƠN ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2024/BCTN-SDN

Đồng Nai, ngày 21 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Quý vị Cổ đông Công ty.

I- THÔNG TIN CHUNG:

1/- Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600451024 thay đổi lần thứ 11, ngày 23/10/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.
- Vốn điều lệ: 30.364.360.000 đồng.
- Địa chỉ: Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.
- Số điện thoại: 02513.931.355
- Số fax: 02513.836.091
- Website: www.dongnaipaint.com.vn
- Mã cổ phiếu: SDN
- Chi nhánh tại tỉnh Bắc Ninh: KCN Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh.
- Nhà máy sản xuất hợp tác với Công ty TNHH PPG Việt Nam tại KCN AMATA: Đường số 5, KCN AMATA, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Biểu tượng:



- Slogan: **Nâng Tầm Giá Trị**

- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Việc thành lập: Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai nguyên là Nhà máy Sơn Đồng Nai được thành lập năm 1987, trước đây là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Sở Công Nghiệp Đồng Nai (Nay là Sở Công thương). Doanh nghiệp chuyển sang loại hình Công ty Cổ Phần theo Quyết định số 4636/QĐ-UBT ngày 01 tháng 03 năm 2000 của UBND Tỉnh Đồng Nai.

+ Quá trình niêm yết cổ phiếu: Công ty được UBCK Nhà Nước cấp giấy phép số: 106/UBCK-GPNY ngày 08/12/2006 với các nội dung như sau:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP Sơn Đồng Nai.

Mã Chứng khoán: SDN

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng số lượng chứng khoán niêm yết: 1.140.000 cổ phiếu (Một triệu một trăm bốn mươi ngàn cổ phiếu).

Tổng giá trị chứng khoán niêm yết: 11.400.000.000 đồng (Mười một tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn).

Ngày niêm yết có hiệu lực: 08/12/2006

Ngày chính thức giao dịch: 25/12/2006

+ Ngày 16 tháng 09 năm 2008, được Sở GDCK TP HCM có Quyết định chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung số Cổ phiếu phát hành thêm với nội dung như sau:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP Sơn Đồng Nai.

Mã chứng Khoán: SDN

Mệnh giá: 10.000 đồng

Số lượng chứng khoán niêm yết bổ sung: 209.641 cổ phiếu (Hai trăm lẻ chín ngàn sáu trăm bốn một cổ phiếu)

Giá trị niêm yết bổ sung: 2.096.410.000đ (Hai tỷ không trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm mười ngàn đồng chẵn).

Tổng số lượng chứng khoán niêm yết: 1.349.641 cổ phiếu (Một triệu ba trăm bốn chín ngàn sáu trăm bốn một cổ phiếu).

Tổng giá trị chứng khoán niêm yết: 13.496.410 đ (Mười ba tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm mười ngàn đồng chẵn).

+ Ngày 14 tháng 09 năm 2010, Công ty được niêm yết bổ sung số Cổ phiếu phát hành thêm với nội dung như sau:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP Sơn Đồng Nai.

Mã chứng Khoán: SDN

Mệnh giá: 10.000 đồng

Số lượng chứng khoán niêm yết bổ sung: 168.577 cổ phiếu (Một trăm sáu tám ngàn năm trăm bảy mươi bảy cổ phiếu).

Giá trị niêm yết bổ sung: 1.685.770.000 đồng (Một tỉ sáu trăm tám lăm triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn)

Tổng số lượng chứng khoán niêm yết: 1.518.218 cổ phiếu (Một triệu năm trăm mười tám ngàn hai trăm mười tám cổ phiếu).

Tổng giá trị chứng khoán niêm yết: 15.182.180 đ (Mười lăm tỉ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn).

+ Ngày 16 tháng 10 năm 2023, được Sở GDCK Hà Nội có Quyết định chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung Cổ phiếu với nội dung như sau:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty CP Sơn Đồng Nai.

Mã chứng Khoán: SDN

Mệnh giá: 10.000 đồng.

Số lượng chứng khoán niêm yết bổ sung: 1.518.218 cổ phiếu (Một triệu năm trăm mười tám ngàn hai trăm mười tám cổ phiếu).

Giá trị niêm yết bổ sung: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỉ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn).

Tổng số lượng chứng khoán niêm yết: 3.036.436 cổ phiếu (Ba triệu không trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi sáu cổ phiếu).

Tổng giá trị chứng khoán niêm yết: 30.364.360.000 đ (Ba mươi tỉ ba trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

- Các sự kiện khác:

+ Ngày 01 tháng 03 năm 2000, Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Vốn điều lệ: 7.200.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm triệu đồng).

+ Ngày 18 tháng 09 năm 2002, Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1. Vốn điều lệ: 7.200.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm triệu đồng).

+ Ngày 19 tháng 05 năm 2005, Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2. Vốn điều lệ: 11.400.00.000đ (Mười một tỷ bốn trăm triệu đồng)

+ Ngày 22 tháng 09 năm 2008, Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3. Vốn điều lệ: 13.496.410.000 đồng (Mười ba tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm mười ngàn đồng)

+ Ngày 14 tháng 09 năm 2010 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 28 tháng 12 năm 2012 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 5 tháng 4 năm 2013 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 16 tháng 05 năm 2014 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 30 tháng 08 năm 2016 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 17 tháng 04 năm 2020 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 11 tháng 04 năm 2023 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10. Vốn điều lệ: 15.182.180.000 đồng (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

+ Ngày 23 tháng 10 năm 2023 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11. Vốn điều lệ: 30.364.360.000 đồng (Ba mươi tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng).

2/- Ngành, nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh:

- Ngành, nghề kinh doanh chính:

Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít:
Sản xuất sơn; Sản xuất ma tít (bột trét tường)

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn sơn.

Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất keo

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn keo, xuất nhập khẩu nguyên liệu và sản phẩm liên quan tới sơn và keo. Bán buôn ma tít (bột trét tường).

- Địa bàn kinh doanh chính:

Đông Nam Bộ (TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh..)

Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (Đắk Lắk, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận.....)

Tây Nam Bộ (Tiền Giang, Cần Thơ, Long An, Sóc Trăng...)

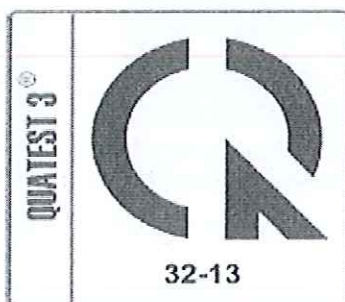
Công ty đang thực hiện việc sản xuất gia công các sản phẩm sơn cho các đối tác là các Tập đoàn sản xuất sơn hàng đầu trên thế giới: AKZONOBEL (HÀ LAN), PPG (HOA KỲ). Sơn được sử dụng cho các công trình, thiết bị có yêu cầu kỹ thuật và chất lượng cao như giàn khoan dầu khí, tàu biển, điện thoại di động, xe máy...

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ ĐƯỢC CẤP

Chứng Nhận Hệ Thống Quản Lý
Chất Lượng ISO 9001:2015



Chứng Nhận Hợp Quy
No. 32-13



Chứng Nhận Hợp Chuẩn
JIS K 5663:2003



HÌNH ẢNH MỘT SỐ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA CÔNG TY



Sơn Super Coat - Sơn Nội thất Cao cấp



Sơn Interior - Sơn Nội thất



Sơn Exterior - Sơn Ngoại thất



Sơn Flintcoat - Sơn ngoại thất Cao cấp



Sơn New Interior - Sơn Nội thất



Sơn Hitech Plus - Sơn Ngoại thất Cao cấp



Sơn lót Anti - Sơn lót chống kiềm



Chống thấm INTEC 24_Tường/Sàn



Sơn Alkyd



Sơn Epoxy



Bột trét Donasa



Bột trét Lucky

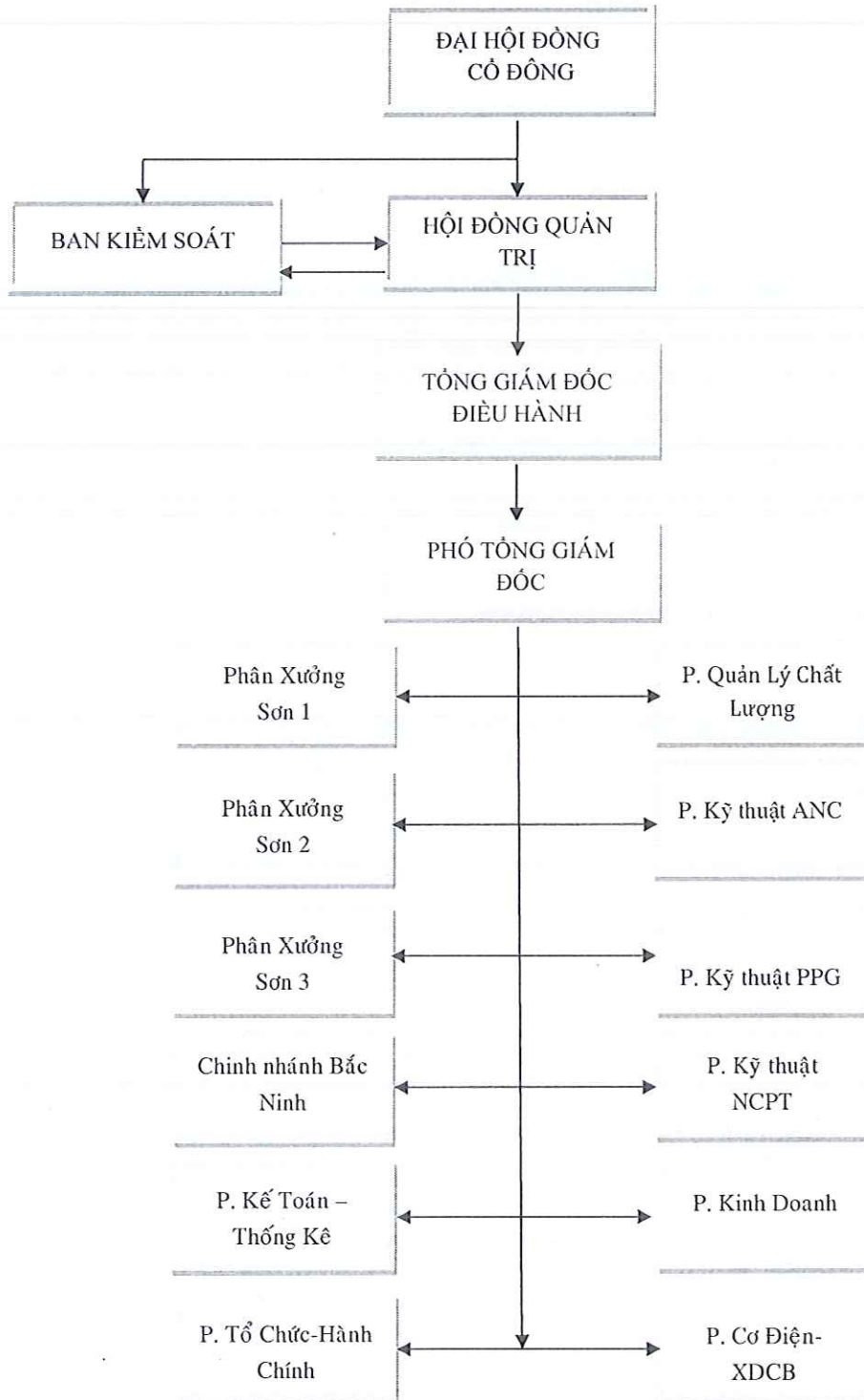


Bột trét Powdercoat

3/- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI - DONASA



4/- Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2024.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính (đồng)	Kế hoạch
01	Giá trị tổng sản lượng	Triệu	325.181
02	Doanh thu thuần	Triệu	114.000
03	Lợi nhuận (sau thuế)	Triệu	7.748
04	Nộp ngân sách	Triệu	8.000
05	Tiền lương thu nhập bq/người/tháng	Triệu	10,5
06	Tổng sản lượng	Tấn	12.400
07	Cổ tức dự kiến chia	%	15

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

+ Định hướng chiến lược phát triển sản phẩm: Tiếp tục phát triển nâng cao năng lực sản xuất các sản phẩm khu vực nội địa. Bên cạnh việc phát triển dòng sản phẩm chủ lực, mũi nhọn, tập trung phát triển đa dạng các dòng sản phẩm có thể mạnh nhằm đáp ứng cho mọi đối tượng khách hàng.

+ Định hướng chiến lược về chất lượng: Sản phẩm Sơn Đồng Nai thương hiệu DONASA được sản xuất phù hợp theo Quy chuẩn quốc gia của Bộ Xây dựng; Chứng Nhận Hợp Chuẩn JIS K 5663:2003 của Nhật Bản; sản phẩm được Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001:2015. Sản phẩm được công bố hợp quy tại Sở Xây dựng Đồng Nai và Sở Công thương.

+ Định hướng chiến lược kinh doanh: Duy trì ổn định hệ thống phân phối để làm nền tảng và phát triển mạng khách hàng dự án, công trình thông qua các nhà phân phối là các Công ty xây dựng, Cơ khí. Chủ động hợp tác với các nhà sản xuất nhóm hàng vật liệu xây dựng trong khối Tổng Công ty Sonadezi, các đơn vị tư vấn, thiết kế, nhà thầu để tạo ra chuỗi liên kết bền vững, hợp tác lâu dài.

+ Định hướng chiến lược phát triển thương hiệu: Thông qua các phương tiện truyền thông để quảng bá thương hiệu sản phẩm, thống nhất và đa dạng hóa các hoạt động truyền thông tiếp thị, trong đó tập trung vào vai trò của truyền thông mạng, các hoạt động xã hội cộng đồng, báo chí... để nâng cao uy tín và sức cạnh tranh trên thị trường.

+ Định hướng về tổ chức: Mô hình quản lý được điều chỉnh phù hợp với quy mô phát triển theo từng giai đoạn, căn cứ vào đó để chủ động quy hoạch và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng cho mục tiêu phát triển trong tương lai.

+ Định hướng về chiến lược quản trị tài chính: Tiêu chuẩn hóa quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo hiệu quả tài chính ngắn hạn, đồng thời hướng đến việc phát triển bền vững về dài hạn của Công ty. Cân bằng và hài hòa lợi ích của các bên với sự đồng thuận cao giữa cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội.

+ Định hướng mục tiêu phát triển bền vững: Mọi hoạt động Sản xuất Kinh doanh của Công ty phải tuân thủ luật định, góp phần lành mạnh môi trường kinh doanh, tạo ra nguồn việc làm dồi dào, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước, bảo vệ môi trường và tích cực chung tay tham gia các hoạt động xã hội vì cộng đồng.

5/- Các rủi ro:

- Rủi ro do môi trường kinh doanh: Chiến tranh giữa Nga và Ucraina còn kéo dài, các cuộc xung đột khu vực, sự trì trệ của thị trường bất động sản.

Biện pháp quản trị: Theo dõi sát tình hình chính trị, kinh tế trong nước và trên thế giới ở từng thời điểm cộng với trực giác nhạy bén để có quyết sách phù hợp. Trên cơ sở đó tranh thủ nắm bắt cơ hội, tìm được thuận lợi ngay trong khó khăn.

- Rủi ro từ sự biến động giá cả nguyên liệu, lãi suất và tỉ giá: Chi phí tăng do giá nguyên liệu cao, lãi suất ngân hàng tăng.

Biện pháp quản trị: Luôn duy trì tối thiểu ba nhà cung ứng để hạn chế sự độc quyền. Dự báo được điểm rơi của giá nguyên liệu để có phương án dự trữ tốt nhất. Quản lý chặt chẽ các loại chi phí, loại bỏ các loại chi phí không hợp lý, phân tích, dự báo, đánh giá thị trường ngân hàng trong từng thời điểm cụ thể.

- Rủi ro do hỏa hoạn. Cháy nổ xảy ra trong quá trình sản xuất, lưu trữ nguyên liệu vật tư sản xuất.

Biện pháp quản trị: Bố trí các kho không tập trung. Mua bảo hiểm cháy nổ hỏa hoạn. Làm tốt công tác Phòng cháy chữa cháy, huấn luyện sử dụng phương tiện phòng cháy định kỳ. Hằng năm có chương trình đào tạo, huấn luyện, diễn tập phương án chữa cháy tại chỗ.

II- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023:

1/- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1/- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh 2023:

1.1.1/- Các chỉ tiêu kinh tế đã thực hiện:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023	KẾT QUẢ 2023	KẾT QUẢ 2022	TH/KH (%)	TH/NT (%)
1	Giá trị tổng sản lượng	Tr.đ	377.683	312.017	438.330	82,61	71,18
2	Doanh thu thuần	"	132.000	125.095	139.845	94,77	89,45
3	Sản lượng các loại	Tấn	14.170	11.553	15.058	81,53	76,72
4	Lợi nhuận (sau thuế)	Tr.đ	7.350	16.469	15.726	224,06	104,72
5	Nộp ngân sách (phải nộp)	Tr.đ	9.000	6.361	10.898	70,68	58,15
6	Tiền lương thu nhập bq	"	11,319	10,077	12,20	89,02	82,59

2/- Tổ chức và nhân sự:

2.1/- Danh sách Ban điều hành.

TT	HỌ VÀ TÊN	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Nhiên	Tổng Giám đốc	10/04/2020	
2	Nguyễn Phạm Thuyên	P. Tổng Giám đốc	10/04/2020	
3	Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	P. Tổng Giám đốc	25/03/2020	

2.1.1/- Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Điều hành.

- Tóm tắt lý lịch cá nhân ông Nguyễn Đức Nhiên

Họ và tên : Nguyễn Đức Nhiên

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 5/1/1972

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD

Quá trình công tác:

- Từ 03/1998 - 06/2002 : Nhân viên P. Kinh tế Kế hoạch, Trưởng trạm nông vụ Hiếu Liêm thuộc Công ty Mía đường Trị An, Vĩnh Cửu, Đồng Nai

- Từ 06/2002 - 11/2009 : Nhân viên, Tổ trưởng Tổ tiếp thị Phòng Kinh doanh Công ty CP Sơn Đồng Nai.

- Từ 11/2009 - 2/2012 : Phó Phòng Kinh doanh Công ty CP Sơn Đồng Nai.

- Từ 02/2012 - 10/2019 : Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty CP Sơn Đồng Nai.

- Từ 11/2019 - 03/2020 : P. Tổng Giám đốc Cty CP Sơn Đồng Nai.

- Từ 4/2020 – Nay : Phó Chủ tịch HĐQT-Tổng Giám đốc Cty CP Sơn Đồng Nai, Trưởng Chi nhánh Bắc Ninh

- Các chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Thiên Nhất Thiên.

Số CP nắm giữ tại Cty CP Sơn Đồng Nai (tại thời điểm 12/03/2024): 13.200 cổ phần chiếm 0,43% vốn điều lệ.

+ Đại diện chủ sở hữu: 607.392 (tại thời điểm 12/03/2024) cổ phần chiếm 20% vốn điều lệ:

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Những khoản nợ đối với Công Ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công Ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : Không

- Tóm tắt lý lịch cá nhân ông Nguyễn Phạm Thuyên

Họ tên : Nguyễn Phạm Thuyên
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 30/9/1973
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ chuyên môn : - Kỹ sư hóa
- Cử nhân Quan hệ Kinh tế quốc tế

Quá trình công tác :

- Từ 05/1996 - 06/2000 : Nhân viên kỹ thuật NM Sơn Đồng Nai
- Từ 07/2000 - 10/2019 : Trưởng phòng kỹ thuật Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai
- Từ 11/2019 - 3/2020 : Phó Tổng Giám đốc Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai
- Từ 4/2020 - Nay : Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Cty Cổ phần Sơn

Đồng Nai

- Các chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Thiên Nhất Thiên.

Số cổ phần nắm giữ tại Cty CP Sơn Đồng Nai (tại thời điểm ngày 12/03/2024) : 8.000 cổ phần chiếm 0,26% vốn điều lệ.

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Những khoản nợ đối với Công Ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công Ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : Không

- Tóm tắt lý lịch cá nhân bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên

Họ và tên : Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 29/3/1969

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn : - Kỹ sư hóa

Quá trình công tác :

- Từ 05/1993 - 06/2004 : Nhân viên kỹ thuật NM Sơn Đồng Nai

- Từ 07/2004 - 07/2005 : Phó Quản đốc Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai

- Từ 08/2005 - 02/2020 : Quản đốc Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai

- Từ 03/2020 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai

- Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại Cty CP Sơn Đồng Nai (tại thời điểm ngày 12/03/2024) : 0 cổ phần chiếm 0 % vốn điều lệ.

Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không

Những khoản nợ đối với Công Ty : Không

Lợi ích quan đối với Công Ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : Không

2.1.2/- Kế toán trưởng, người CBTT

TT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Huỳnh Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng	03/02/2020
2	Nguyễn Văn Linh	Công bố thông tin	01/09/2012

2.1.3/- Số lượng cán bộ, nhân viên.

TT	Chỉ Tiêu	Tính đến 31/12/2023	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
1	Lao Động đã qua đào tạo Đại Học và trên Đại Học	44	26
2	Trung cấp, Cao Đẳng, TCCN, CNKT	30	18
3	Lao Động phổ thông	94	56
Tổng cộng		168	100

3/- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Đầu tư tài chính: 3.269 triệu đồng (Tính từ đầu năm).

- Cổ phiếu tại Công ty CP Sonadezi Châu Đức: 2.450 triệu đồng, tương đương 245.000CP.

+ Trong tháng 11/2023, Công ty đã bán 294.000 cổ phiếu (bao gồm 49.000 cổ phiếu do nhận cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty Sonadezi Châu Đức), với giá bán bình quân 43.057 đồng/cổ phiếu, số tiền đã thu về là: 12.658.925.000 đồng.

+ Trong năm tài chính 2022, Công ty đã bán 175.000 cổ phiếu, với giá bán bình quân 56.000 đồng/cổ phiếu, số tiền đã thu về là: 9.799.760.000 đồng.

+ Tổng số tiền đã thu về từ 2 đợt bán là: 22.458.685.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng chẵn).

- Cổ phiếu tại Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch: 819 triệu đồng, tương đương 81.900CP, trong năm 2022 Cty CP Đầu Tư Nhơn Trạch không chi trả cổ tức.

3.2 Đầu tư trong sản xuất: Tổng chi phí đầu tư TSCĐ và máy móc thiết bị năm 2023 là: 173.000.000 đồng.

3.3. Tình hình trả tiền thuê đất tại KCN Hồ Nai đến ngày 31/12/2023.

- Chi phí thuê đất tại KCN Hồ Nai: 71.551.780.919 đồng (Đã bao gồm 10% VAT-theo tỷ giá ngày 5/12/2022).

- Công ty đã thanh toán: 59.827.352.804 đồng.

- Số tiền còn lại phải thanh toán: 11.956.000.000 đồng (tạm tính tỷ giá 24.400đ/USD).

4/- Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	105.158.227.175	105.855.405.600	Giảm: 0,66%
Doanh thu thuần	110.535.437.606	128.756.628.106	Giảm: 14,15%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.353.306.996	17.753.384.990	Giảm: 2,26%
Lợi nhuận khác	3.396.479.537	2.047.967.298	Tăng: 65,84%
Lợi nhuận trước thuế	20.749.786.533	19.801.352.288	Tăng: 4,78%
Lợi nhuận sau thuế	16.468.647.332	15.725.636.132	Tăng: 4,72%
Tỉ lệ lợi nhuận để trả cổ tức	27,65	33,79	Giảm: 18,18

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn.	1,2	1,2	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,6	0,6	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản.	0,39	0,46	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu.	0,63	0,87	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân.	3,7	3,6	
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản.	1,0	1,2	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.	0,14	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,25	0,28	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản.	0,15	0,15	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	0,15	0,14	

5/- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 3.036.436 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.036.436 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông (tại ngày 12/03/2024)

Chỉ Tiêu	SL người sở hữu	SL CK sở hữu	Tỉ lệ (%)
1	2	3	4
1. Cổ đông lớn	6	2.028.470	66,80
2. Cổ đông nhỏ	297	1.007.966	33,20
3. Trong Nước	279	2.358.606	77,67
a. Cá nhân	273	1.116.296	36,76
b. Tổ Chức	6	1.242.310	40,91
3. Nước ngoài	24	677.830	22,33
a. Cá nhân	18	561.006	18,48
b. Tổ Chức	6	116.824	3,85
4. Cổ đông Nhà nước	1	911.088	30
5. Cổ đông khác	302	2.125.348	70

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Ngày 23 tháng 10 năm 2023 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11. Vốn điều lệ: 30.364.360.000 (Ba mươi tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng)

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1 Tác động lên môi trường.

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không phát sinh
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu.

- a. Tổng lượng nguyên liệu để sản xuất và đóng gói sản phẩm trong năm: 5.848.098 kg (bao gồm sản phẩm đã đóng gói và 2% tỉ lệ hao hụt nguyên liệu trong sản xuất).
- b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp (Điện năng): Mức tiêu thụ trung bình 47.609 KW/tháng.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước:

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Cung cấp bởi Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai: Mức tiêu thụ trung bình 414,5 m³/tháng.

b. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 168 người, mức thu nhập: 10,077 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Thực hiện theo quy định của Nhà nước và chính quyền sở tại.

c. Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 16 giờ/năm. Huấn luyện các quy định về An toàn VSLĐ-PCCC, chuyên môn nghiệp vụ khác.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đào tạo nội bộ và bên ngoài, căn cứ theo nhiệm vụ chức năng của từng Phòng ban, Phân xưởng, vị trí công tác.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Công ty đã tham gia các chương trình hướng đến cộng đồng: Ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Ủng hộ Quỹ nạn nhân chất độc da cam/dioxin Ủng hộ bà con nghèo đón tết; Ủng hộ Hội người mù các huyện trong tỉnh Đồng Nai với số tiền: 90.160.000 đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III/- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH:

1/- Đánh giá kết quả hoạt động Sản xuất Kinh doanh.

1.1/- Điều hành Sản xuất - Kinh doanh - Bán hàng.

1.1.1/- Tổ chức sản xuất.

- Năm 2023 đạt sản lượng 11.553 tấn sản phẩm các loại, đây là nỗ lực rất lớn của CB-CNV tại khu vực sản xuất, trong đó yêu cầu về An toàn sản xuất được đảm bảo; chất lượng sản phẩm ổn định không có khiếu nại lớn.

- Tại các Phân xưởng đã có nhiều biện pháp tận dụng công suất của máy móc thiết bị. Thái độ làm việc chăm chỉ, tích cực tăng ca, chông ca của CB-CNV các Phân xưởng và các Phòng Kỹ thuật cũng là những nhân tố đóng góp cho sự ổn định trong sản xuất của Công ty.

1.1.2/- Kinh doanh - Bán hàng:

- Trước tình hình sản xuất, kinh doanh ngày càng khó khăn do ảnh hưởng của thị trường bất động sản và Nhà nước siết chặt các quy định về xây dựng dẫn đến các công trình xây dựng giảm nhưng đội ngũ kinh doanh đã tích cực mở rộng tìm kiếm thị trường và khách hàng mới, thường xuyên phân tích xu hướng người tiêu dùng để xây dựng kế hoạch tiếp thị, bán hàng cho phù hợp.

- Sản phẩm SƠN ĐỒNG NAI-DONASA hiện nay đang được tiêu thụ tại 88 Cửa hàng, Đại lý và hàng chục cửa hàng cấp hai, cùng với 54 Công ty, Doanh nghiệp tiêu thụ trực tiếp sản phẩm của Công ty.

- Công ty đã xây dựng và triển khai các chương trình khuyến mại hằng tháng nhằm tăng doanh số, kích cầu tiêu dùng để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế mà Đại Hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao cho.

1.2/- Những Công tác đảm bảo cho Sản xuất Kinh doanh.

1.2.1/- Công tác Kỹ thuật- Giám sát sản xuất.

- Sản phẩm của Cty trong quá trình sản xuất tiêu thụ được quản lý bởi Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Chất lượng sản phẩm phù hợp Qui chuẩn QCVN 16:2019/BXD và tiêu chuẩn JIS K 5663:2003.

- Thực hiện yêu cầu chất lượng sản phẩm theo QCVN 08/BCT của Bộ công thương, Công ty đã tiến hành cải tiến chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng giới hạn hàm lượng chì có trong sơn theo qui định.

- Công ty luôn chú trọng cải tiến chất lượng sản phẩm nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng, tăng tính cạnh tranh trên thị trường sơn trang trí. Đồng thời đa dạng các sản phẩm khác nhau nhằm gia tăng thị phần.

1.2.2/- Công tác Kế toán - Thống kê.

- Đảm bảo nguồn tài chính trong thanh toán nội bộ cũng như trong giao dịch với các đối tác nước ngoài. Đã kiểm soát chặt chẽ các khoản nợ mới phát sinh trong quá trình giao dịch.

- Trong xử lý, phân tích số liệu tháng, quý được phản ánh kịp thời từ ngày 02-12 hàng tháng, qua đó đã giúp cho Ban Điều hành đưa ra các kế hoạch hợp lý.

- Từ kết quả Kiểm toán bán kỳ, cả năm của Cty kiểm toán RSM Việt Nam và hoạt động Giám sát của Ban Kiểm soát. Công tác Kế toán đã thực hiện đúng quy định pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty.

1.2.3/- Công tác Cơ Điện – XDCB.

- Hoạt động Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hiệu quả - Hạn chế sự cố hỏng hóc, các yêu cầu Kỹ thuật An Toàn về Điện tại Công ty, AMATA và Chi nhánh Bắc Ninh được kiểm soát chặt chẽ.

- Tất cả những sự cố liên quan đến hệ thống điện, máy móc, các sự cố trong vận hành thiết bị đều được đưa ra hành động khắc phục, phòng ngừa. Trong năm 2023, không để xảy ra sự cố hư hỏng máy móc phải nằm chờ sản xuất.

1.2.4/- Công tác Tổ chức - Hành chính- Nhân sự.

- Công tác xây dựng, phát triển đào tạo nguồn nhân lực luôn được chú trọng, hoạt động đào tạo tại chỗ đã được quan tâm duy trì. Bố trí lao động hợp lý, đáp ứng các yêu cầu cho sản xuất và công tác chuyên môn của toàn Công ty.

- Đã tham mưu và giúp việc cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong việc tuân thủ các quy định pháp luật, công tác thi đua khen thưởng, Đảng-Đoàn.

- Thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động về tiền lương thu nhập, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bảo hiểm lao động...theo đúng quy định của pháp luật về quan hệ lao động.

- An ninh Chính trị, Trật tự An toàn trong và ngoài Công ty được quan tâm; Các Đơn thư khiếu nại, thắc mắc về chế độ tiền lương, chính sách lao động không xảy ra- Công ty duy trì được một môi trường lao động, làm việc Hợp tác và Hòa hòa.

- Các yêu cầu về An toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ, Bảo vệ môi trường, Bảo vệ sức khỏe được duy trì và thực hiện tốt. Góp phần đảm bảo cho hoạt động Sản xuất Kinh doanh được an toàn và hiệu quả.

1.3/- Tình hình hoạt động tại Chi nhánh Bắc Ninh.

- Sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn cao đòi hỏi sự tập trung và chính xác, được đối tác và khách hàng đánh giá cao về chất lượng, trong năm không để xảy ra các sự cố liên quan đến chất lượng sản phẩm.

- Đã duy trì tốt những yêu cầu về giữ gìn An ninh trật tự, An toàn-VSLĐ, PCCN, bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường, quan hệ tốt với chính quyền địa phương và các yêu cầu hoạt động khác của một Nhà máy Sản xuất Công nghiệp.

1.4/- Chăm lo điều kiện làm việc, đời sống người LĐ.

- Quan hệ lao động tại Công ty hài hòa, dân chủ, công khai và đảm bảo công bằng giữa đóng góp và thụ hưởng. Môi trường làm việc tại Công ty luôn luôn được cải thiện để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Năm 2023 tình hình kinh tế khó khăn, trong khi nhiều Công ty, Doanh nghiệp phải đóng cửa, sản xuất cầm chừng, lao động nghỉ luân phiên nhưng CB-CNV Sơn Đồng Nai vẫn có việc làm ổn định, tiền lương thu nhập đảm bảo. Các hoạt động văn hóa

thể thao, việc tặng quà cho con em CB-CNV nhân dịp trung thu, khai giảng năm học, kết thúc năm học vẫn được duy trì thực hiện.

- Tất cả những chính sách đối với người lao động về: Môi trường làm việc, nghỉ ngơi, phương tiện phòng hộ cá nhân, các chế độ bảo hiểm, độc hại, khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp... được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

1.5/- Hoạt động của Đoàn thể, Ban, Tổ, Hội đồng bán chuyên trách.

- Công ty có Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng tiền lương, Hội đồng thi đua khen thưởng-kỷ luật, Hội đồng sáng kiến, Ban ISO, Ban bảo vệ môi trường, Ban chuyên đổi số, Tổ đánh giá 5S, Tổ Phòng cháy chữa cháy, Tổ Mạng lưới an toàn vệ sinh viên, Tổ bảo vệ môi trường và lực lượng dân quân tự vệ... Các tổ chức, đoàn thể trên luôn nỗ lực hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Công ty cũng đã tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Chi Đoàn thanh niên, Chi hội CCB phát huy đúng chức năng, nhiệm vụ, cũng như phát huy vai trò lãnh đạo.

1.6/- Công tác An toàn-VSLĐ, PCCN, Bảo vệ sức khỏe, Bảo vệ môi trường.

- Đã phối hợp với cơ quan chức năng để tổ chức các chương trình huấn luyện AT-VSLĐ, ATHC, PCCN, BVSK, BVMT. Trong năm đã tổ chức diễn tập và hội thao PCCC tại Sơn Đồng Nai, AMATA, Bắc Ninh.

- Công ty đã chủ động xây dựng các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, nguy cơ tại nơi làm việc, trong năm không để xảy ra bất kỳ vụ tai nạn lao động và không có người lao động bị mắc các bệnh nghề nghiệp.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho toàn thể CB-CNV. Kết quả khám sức khỏe định kỳ, phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong toàn Công ty đảm bảo cho sản xuất, làm việc.

- Trong năm 2023, Doanh nghiệp đã thực hiện Giám sát môi trường, Quan trắc môi trường lao động định kỳ tại 3 khu vực Sơn Đồng Nai, Amata và Bắc Ninh nhằm cải thiện điều kiện lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

1.7/- Công tác thi đua khen thưởng, hoạt động cộng đồng:

7.1/- Về công tác Thi đua-Khen thưởng:

- Trong năm đã phát động 2 đợt thi đua ngắn ngày để chào mừng ngày thành lập Công ty, lễ 30/4, 01/5 và chào mừng kỷ niệm 78 năm ngày Quốc khánh, 36 năm ngày Thành lập Nhà máy SƠN ĐỒNG NAI. Qua đó tạo không khí thi đua sôi nổi, góp phần gia tăng sản lượng, chất lượng sản phẩm và người lao động đã tuân thủ tốt nội quy Công ty, an toàn trong sản xuất và làm việc.

- Hoạt động thi đua trong CB-CNV không hình thức đối phó, thông qua đó đã động viên kịp thời tới người lao động. Việc tổ chức hàng năm tháng thi đua, không chỉ mang lại ý nghĩa kinh tế, vật chất mà nâng cao nhận thức giác ngộ cho Công nhân lao động và đã trở thành VĂN HÓA SƠN ĐỒNG NAI.

7.2/- Về hoạt động tri ân, hướng đến cộng đồng: Công ty đã tham gia các chương trình hướng đến cộng đồng: Ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Ủng hộ bà con nghèo đón tết; Ủng hộ Hội người mù các huyện trong tỉnh Đồng Nai... với số tiền: 90.160.000 đồng.

2/- Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản

- Tổng nguồn vốn: 105.158.227.175 đồng.

- Việc sử dụng các nguồn vốn theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên, dưới sự chỉ đạo giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nên nguồn vốn được sử dụng một cách hợp lý và an toàn, không xảy ra bất kỳ rủi ro nào.

- Về tình hình nợ xấu: Căn cứ Báo cáo kiểm toán năm 2023, tổng số nợ khó đòi là 2.172.166.249 đồng, khoản nợ này đã được trích dự phòng nợ phải thu khó đòi, đồng thời Công ty tích cực làm việc với khách hàng để thu hồi nợ.

b) Tình hình nợ phải trả.

- Số nợ phải trả: 40.851.963.039 đồng

- Đây là các khoản nợ: Đầu tư mua máy móc, thiết bị; mua nguyên liệu từ khách hàng, khoản vay của tổ chức tài chính....Giá trị các khoản nợ không ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất, kinh doanh của công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Theo nhu cầu tổ chức và nhiệm vụ của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Theo mục tiêu chung của Công ty.

5. Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Thực hiện tốt.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Thực hiện tốt.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thực hiện tốt.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện tốt.

IV- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CTY:

1/- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hội đồng Quản trị gồm 5 thành viên, trong đó có 2 thành viên trực tiếp điều hành Công ty. Các thành viên Hội đồng Quản trị đã tích cực hỗ trợ Ban Điều hành và Ban Kiểm soát trong chỉ đạo hoạt động và thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động SXKD.

- Hội đồng Quản trị Công ty làm việc theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, đã duy trì chế độ mỗi quý họp một lần và ban hành các quyết định. Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 04 phiên họp thường kỳ, 01 cuộc họp chuyên đề, 01 cuộc họp bất thường và 5 lần gửi phiếu lấy ý kiến các Thành viên Hội đồng Quản trị để kịp thời chỉ đạo, định hướng mục tiêu SXKD và quyết định các vấn đề phát sinh trong Quản lý điều hành của Công ty.

- Là doanh nghiệp sản xuất hóa chất (sơn các loại và bột trét), phát sinh các nguồn chất thải, Công ty luôn có những biện pháp quản lý chặt chẽ nguồn thải, tuyệt đối không để các loại chất thải ra ngoài môi trường. Công ty luôn chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ môi trường, báo cáo định kỳ cho cơ quan bảo vệ môi trường. Trong hoạt động xã hội cộng đồng, Công ty tích tham gia ủng hộ.

2/- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành:

- Năm 2023 do ảnh hưởng của nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Ban Điều hành công ty đã chỉ đạo mọi mặt hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoàn thành nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết Đại hội cổ đông, cụ thể Ban giám đốc đã chỉ đạo thực hiện một loạt công việc: Từ tổ chức sản xuất, bán hàng, nhân sự-tiền lương, thu hồi công nợ, tổ chức kiểm toán, tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, kiện toàn các tổ chức, đoàn thể đi vào hoạt động có hiệu quả...vv.

3/- Các kế hoạch định hướng của Hội đồng Quản trị.

- Năm 2024 và những năm tiếp theo được đánh giá còn rất khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế trong nước và thế giới, cuộc chiến tranh Nga-Ucraina. Hội đồng Quản trị xác định phát triển tăng tỷ trọng sản xuất sơn nội địa bao gồm sơn dung môi và sơn nước, giảm sự phụ thuộc vào 2 đối tác nước ngoài, trong tình hình sản lượng của 2 đối tác cắt giảm nhiều.

- Tập trung huy động tài chính, đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho SXKD, đảm bảo tiến độ di dời theo chủ trương của tỉnh Đồng Nai. Đề ra phương án, kế hoạch xây dựng nhà máy mới tại KCN Hồ Nai khi KCN Biên Hòa 1 di dời.

- Tiếp tục thực hiện hợp tác sản xuất với tập đoàn PPG (Hoa Kỳ) và Akzo Nobel (Hà Lan) theo như hợp đồng đã ký kết.

V- QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1/- Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Không tham gia điều hành	Thành viên HĐQT công ty khác	Số CP sở hữu cuối kỳ	
					Số CP	Tỷ lệ năm giữ
1	Nguyễn Phạm Thuyên	Chủ tịch HĐQT			8.000	0,26
2	Nguyễn Đức Nhiên	P. Chủ tịch HĐQT			13.200	0,43
3	Đào Đình Đê	Thành viên HĐQT	x		155.768	5,13
4	Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên HĐQT	x		3.400	0,11
5	Trần Trung Kiên	Thành viên HĐQT	x	x	0	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Ban kiểm toán nội bộ

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự/	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Phạm Thuýn	06	100	
2	Nguyễn Đức Nhiên	06	100	
3	Trần Trung Kiên	04	66	Bận công tác
4	Đào Đình Đề	06	100	
5	Vũ Nguyễn Thị Hạnh	06	100	

- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	12/2023/NQ-HĐQT	13/01/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Hội Đồng Quản trị thông qua Kết quả Sản xuất Kinh doanh năm 2022. - Hội Đồng Quản trị thông qua Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh năm 2023 - Thống nhất về nguyên tắc đối với Kế hoạch chuẩn bị tổ chức Đại hội Đồng Cổ đông thường niên 2023. - Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 với tỉ lệ 8%/mệnh giá cổ phiếu. Thời gian thực hiện trong Quý I/2023. - Thông qua Kế hoạch đơn giá tiền lương năm 2023. - Thông qua chủ trương về việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị Công ty. - Thông qua bản Qui chế kiểm toán nội bộ của Công ty. 	100
2	15/2023/NQ-HĐQT	05/04/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Kết quả Sản xuất Kinh doanh quý 1/2023 (Ước thực hiện). - Thông qua Kế hoạch Sản Xuất Kinh Doanh quý 2/2023 và giao Ban Điều hành triển khai thực hiện. 	100

			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 là 35%/mệnh giá. - Thống nhất việc hủy bỏ ngành, nghề kinh doanh: Xây dựng công trình thủy được quy định tại khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty. - Thống nhất việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển theo tỉ lệ 1:1. - Thông qua Nội dung chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023. - Thông qua thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 vào ngày 26 tháng 04 năm 2023 (1/2 ngày). 	
3	16/2023/NQ-HĐQT	30/05/2023	- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn RSM Việt Nam là Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023. Giao cho Ban Điều hành thực hiện ký Hợp đồng với đơn vị kiểm toán theo quy định của pháp luật.	100
4	17/2023/NQ-HĐQT	31/05/2023	Thông qua việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100
5	20/2023/NQ-HĐQT	12/08/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Kết quả Sản xuất Kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023. - Thông qua Kế hoạch Sản Xuất Kinh Doanh và các mặt công tác khác quý 3 và 6 tháng cuối năm 2023. - Thông qua việc chia cổ tức còn lại của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với tỉ lệ 27%/mệnh giá. 	100
6	21/2023/NQ-HĐQT	18/08/2023	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu thưởng do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của chủ sở hữu.	100
7	22/2023/NQ-HĐQT	28/09/2023	Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung với VSDC và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung với HNX.	100
8	25/2023/NQ-HĐQT	07/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Kết quả Sản xuất Kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023. - Thông qua Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh và các mặt công tác khác của quý 4/2023. 	100
9	27/2023/NQ-HĐQT	26/12/2023	- Thông qua hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Phương Đông để cung cấp sơn, bột trét-Tổ chức có liên quan tới ông Đào Đình Đề, hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty.	75

		- Thông qua hợp đồng dịch vụ thu gom, xử lý rác sinh hoạt với Công ty CP Môi trường Sonadezi-Tổ chức có liên quan tới Tổng Công ty CP Phát Triển KCN, hiện là cổ đông lớn nắm giữ 30% vốn Điều lệ của Công ty CP Sơn Đồng Nai.	100
		- Thông qua Biên bản làm việc giữa Ban Điều hành Công ty CP Sơn Đồng Nai và Công ty CP KCN Hồ Nai ngày 12/12/2023 và trích từ nguồn tiền bán cổ phiếu của Công ty CP Sonadezi Châu Đức để trả tiền thuê đất theo Hợp đồng cho thuê lại đất số 02/2022/HĐTLĐ/HN-SĐN ngày 6/6/2022	100
		- Thông qua Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024, giao Ban Kiểm toán nội bộ triển khai thực hiện.	100

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Công ty chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Đang tham dự các khóa đào tạo.

2/- Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cuối kỳ	
			Số CP	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát	0	0
2	Bùi Thị Thùy Liên	TV Ban kiểm Soát	0	0
3	Trịnh Thị Ngọc Hương	TV Ban kiểm Soát	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

TT	Thời gian	Nội dung
1	01/03/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022. - Kết quả giám sát hoạt động và tình hình tài chính của Công ty. - Đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. - Báo cáo tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát. - Đánh giá về giao dịch giữa các bên liên quan. - Kiến nghị đối với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành Sản xuất Kinh doanh tại Công ty.

		- Kế hoạch công tác của Ban Kiểm soát năm 2023.
2	17/8/2023	- Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 của Công ty CP Sơn Đồng Nai
3	22/08/2023	- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023. - Kết quả giám sát hoạt động và tình hình tài chính của Công ty. - Đánh giá việc quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. - Báo cáo tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát. - Đánh giá về giao dịch giữa các bên liên quan. - Kiến nghị đối với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành Sản xuất Kinh doanh tại Công ty.

c) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm toán nội bộ:

Danh sách thành viên Ban Kiểm toán nội bộ:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cuối kỳ	
			Số CP	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Kiều Thị Thanh Loan	Phụ trách Ban Kiểm toán nội bộ	0	0

d) Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ: Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện việc kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt.

3/- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát và Ban kiểm toán nội bộ.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Đơn vị tính	Tổng thu nhập
1	Nguyễn Phạm Thuyên	CT. HĐQT/P.TGD	Đồng	541.345.000
2	Nguyễn Đức Nhiên	P.CT HĐQT/TGD	Đồng	580.679.000
3	Đào Đình Đề	TV. HĐQT	Đồng	112.592.000
4	Trần Trung Kiên	TV. HĐQT	Đồng	112.592.000
5	Vũ Nguyễn Thị Hạnh	TV. HĐQT	Đồng	101.692.000
6	Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng BKS	Đồng	112.592.000
7	Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	TV BKS	Đồng	64.396.000
8	Bà Bùi Thị Thùy Liên	TV BKS	Đồng	202.239.000
9	Kiều Thị Thanh Loan	PT. BKTNB	Đồng	265.023.000
10	Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	P.Tổng Giám Đốc	Đồng	382.256.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với Công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng giám đốc), các cán bộ quản lý và những người có liên quan tới các đối tượng nói trên: Chi tiết tại Phụ lục về Danh sách về người có liên quan của Công ty và giao dịch của người có liên quan với Công ty đã được công bố tại Báo cáo 01/2024/BCQT-SDN ngày 29/01/2024 về tình hình quản trị Công ty năm 2023.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện theo quy định của pháp luật về Quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính: Tài liệu đính kèm.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Nhiên

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 35

030
KIỂM
RS

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Phạm Thuyên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Phó Chủ tịch
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên
Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thùy Liên	Thành viên
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phạm Thuyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2024

178
GT
HH
& TV
TN
IO

Số: 36/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 02 năm 2024 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Thị Bích Thảo
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4341-2024-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.206.682.488	56.733.574.102
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.209.000.623	5.258.989.690
1. Tiền	111	4.1	4.209.000.623	5.258.989.690
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.450.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	2.450.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.733.398.811	19.965.439.176
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	23.095.666.935	19.929.869.135
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	188.451.225
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		809.898.125	1.995.300.249
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(2.172.166.249)	(2.148.181.433)
IV. Hàng tồn kho	140	4.4	21.547.882.220	24.818.980.145
1. Hàng tồn kho	141		21.624.063.016	24.924.466.122
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(76.180.796)	(105.485.977)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		716.400.834	4.240.165.091
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		716.400.834	4.240.165.091
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.951.544.687	49.121.831.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		750.000.000	750.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		750.000.000	750.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.471.356.953	2.320.742.947
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	1.471.356.953	2.320.742.947
Nguyên giá	222		32.362.232.888	32.365.374.917
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.890.875.935)	(30.044.631.970)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		819.000.000	819.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		819.000.000	819.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		53.911.187.734	45.232.088.551
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	53.688.502.549	45.149.403.366
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		222.685.185	82.685.185
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		105.158.227.175	105.855.405.600

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		40.851.963.039	49.419.669.276
I. Nợ ngắn hạn	310		40.164.272.489	48.681.978.726
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	18.845.554.769	20.106.130.010
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	.	139.177.830	164.585.174
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	610.395.870	590.184.183
4. Phải trả người lao động	314	4.9	2.312.291.381	3.100.465.020
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		537.241.769	1.870.817.886
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.10	12.046.505.869	17.910.922.972
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.11	5.673.105.001	4.938.873.481
II. Nợ dài hạn	330		687.690.550	737.690.550
1. Phải trả dài hạn khác	337		687.690.550	737.690.550
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.306.264.136	56.435.736.324
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12	64.306.264.136	56.435.736.324
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.364.360.000	15.182.180.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.364.360.000	15.182.180.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.12.6	6.587.580.230	19.299.463.130
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.12.6	1.518.200.000	1.518.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.836.123.906	20.435.893.194
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		15.122.130.194	10.209.716.985
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.713.993.712	10.226.176.209
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		105.158.227.175	105.855.405.600



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Bắc Trung
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	116.390.575.198	142.837.773.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	5.855.137.592	14.081.145.621
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		110.535.437.606	128.756.628.106
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	80.013.219.301	91.018.641.436
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.522.218.305	37.737.986.670
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	10.245.572.302	8.591.355.691
7. Chi phí tài chính	22	5.5	4.792.906.519	4.191.965.167
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.386.022.332</i>	<i>766.261.779</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	6.732.178.033	11.392.845.705
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	11.889.399.059	12.991.146.499
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.353.306.996	17.753.384.990
11. Thu nhập khác	31	5.8	4.313.731.006	2.497.043.033
12. Chi phí khác	32		917.251.469	449.075.735
13. Lợi nhuận khác	40		3.396.479.537	2.047.967.298
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.749.786.533	19.801.352.288
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	4.421.139.201	4.072.946.795
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(140.000.000)	2.769.361
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.468.647.332	15.725.636.132
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	4.342	4.145
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.4	4.342	4.145



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Bắc Trung
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.749.786.533	19.801.352.288
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.9	1.022.192.994	1.607.511.135
Các khoản dự phòng	03		(5.320.365)	(104.990.116)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(12.571.500)	(34.627.120)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.075.802)	(8.593.092.207)
Chi phí lãi vay	06	5.5	1.386.022.332	766.261.779
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		23.116.034.192	13.442.415.759
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.731.819.806	2.870.671.846
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.300.403.106	(2.256.166.242)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.497.150.551)	6.264.458.798
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(8.539.099.183)	(45.149.403.366)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		2.450.000.000	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.386.022.332)	(766.261.779)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(4.388.306.804)	(3.515.704.039)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.490.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.551.615.000)	(2.229.873.114)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.237.553.234	(31.339.862.137)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(133.438.000)	(67.890.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	36.363.636
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	9.799.760.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.075.802	506.968.571
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(109.362.198)	10.275.202.207

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	36.207.347.768	33.796.973.888
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(42.071.764.871)	(15.886.050.916)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.12.5	(5.313.763.000)	(4.554.654.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.178.180.103)	13.356.268.972
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		(1.049.989.067)	(7.708.390.958)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.258.989.690	12.967.380.648
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	4.209.000.623	5.258.989.690



Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Bắc Trung
Người lập biểu

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là nhà máy Sơn Đồng Nai là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai. Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600451024 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 23 tháng 10 năm 2023 để thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.364.360.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 7, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 167 (31/12/2022: 175).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, sản xuất matit (bột trét tường).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Bắc Ninh	Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Bắc Ninh

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

(Xem tiếp trang sau)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

361
ÔNG
TNH
TOÁN
VIỆ
40 H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 18 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

3.7. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước.

Tiền thuê cơ sở hạ tầng được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

Thu nhập từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết).

3.12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu chiết khấu thanh toán, chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nguyên vật liệu, bao bì; chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí khuyến mãi, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí vận chuyển, bốc xếp, chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng)....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Thuế (Tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

0302
KIỂM T
R
NH P

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	604.525.032	259.414.662
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.604.475.591	4.999.575.028
Cộng	4.209.000.623	5.258.989.690

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH PPG Việt Nam	2.906.680.081	1.325.472.619
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Gia Gia Phát	2.384.051.111	1.709.727.859
Các khách hàng khác (*)	17.804.935.743	16.894.668.657
Cộng	23.095.666.935	19.929.869.135

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, phải thu ngắn hạn của các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Quyền phải thu ngắn hạn của khách hàng tối thiểu 15 tỷ VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.10.

4.3. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.192.166.249	20.000.000	2.215.626.767	67.445.334

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì công nợ đã tồn đọng nhiều năm.

36179-
CÔNG TY
TNHH
SƠN ĐỒNG NAI
VIỆT NAM
YÊN HÒA

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Nợ xấu (tiếp theo)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cửa hàng Nguyễn Văn San	1.096.000.000	-	1.096.000.000	-
Công ty TNHH TM & XD Minh Khôi	367.017.470	-	367.017.470	-
Các khách hàng khác	729.148.779	20.000.000	752.609.297	67.445.334
Cộng	2.192.166.249	20.000.000	2.215.626.767	67.445.334

4.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.019.906.889	(34.401.117)	6.984.924.432	(54.506.056)
Công cụ, dụng cụ	778.608.147	(5.936.182)	505.310.665	(6.075.328)
Thành phẩm	13.823.438.358	(35.843.497)	17.433.390.877	(44.904.593)
Hàng hóa	2.109.622	-	840.148	-
Cộng	21.624.063.016	(76.180.796)	24.924.466.122	(105.485.977)

Giá trị hàng tồn kho tối thiểu 15 tỷ VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.10.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	7.953.820.577	16.658.738.241	7.620.555.554	132.260.545	32.365.374.917
Mua trong năm	-	132.307.000	-	40.500.000	172.807.000
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(175.949.029)	-	-	(175.949.029)
Tại ngày 31/12/2023	7.953.820.577	16.615.096.212	7.620.555.554	172.760.545	32.362.232.888
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	7.553.285.246	15.735.185.857	6.623.900.322	132.260.545	30.044.631.970
Khấu hao trong năm	228.877.356	457.260.506	333.842.632	2.212.500	1.022.192.994
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	(175.949.029)	-	-	(175.949.029)
Tại ngày 31/12/2023	7.782.162.602	16.016.497.334	6.957.742.954	134.473.045	30.890.875.935
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	400.535.331	923.552.384	996.655.232	-	2.320.742.947
Tại ngày 31/12/2023	171.657.975	598.598.878	662.812.600	38.287.500	1.471.356.953

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 0 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.10.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 27.059.545.509 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Chi phí trả trước dài hạn**

Là chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với thời hạn thuê từ 06/06/2022 đến 31/05/2065.

4.7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	65.691.038	65.691.038	945.497.958	945.497.958
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Khai thác Sản xuất Thương mại và Vận tại Đá Trắng	2.369.832.800	2.369.832.800	1.928.562.480	1.928.562.480
Công ty TNHH Việt Ân Thái Bình Dương	1.689.319.500	1.689.319.500	2.663.679.600	2.663.679.600
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	14.720.711.431	14.720.711.431	14.568.389.972	14.568.389.972
Cộng	18.845.554.769	18.845.554.769	20.106.130.010	20.106.130.010

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp
Thuế giá trị gia tăng (*)	27.939.203	955.424.837	955.424.837	970.561.254	43.075.620	43.075.620
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	401.780.215	401.780.215	401.780.215	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17.560.860	17.560.860	17.560.860	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	438.648.123	4.421.139.201	4.421.139.201	4.388.306.804	405.815.726	405.815.726
Thuế thu nhập cá nhân	143.808.544	561.395.302	561.395.302	558.879.595	141.292.837	141.292.837
Thuế khác		4.000.000	4.000.000	4.000.000		
Cộng	610.395.870	6.361.300.415	6.361.300.415	6.341.088.728	590.184.183	590.184.183

(*) Trong đó, thuế giá trị gia tăng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Số phát sinh	Đã khấu trừ	Đã khấu trừ	Đã nộp
Thuế giá trị gia tăng	27.939.203	11.730.026.630	10.774.601.793	970.561.254

4.9. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2023 còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2023.

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	12.046.505.869	12.046.505.869	36.207.347.768	42.071.764.871	17.910.922.972	17.910.922.972

Đây là khoản vay ngắn hạn bằng VND tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, thời hạn vay không quá 06 tháng, hạn mức tín dụng 30 tỷ VND và lãi suất theo từng giấy nhận nợ từ 7,5% - 8,2%/năm. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh, được thế chấp bằng các tài sản đảm bảo sau:

- Tài sản cố định hữu cơ giá trị còn lại tại ngày 31/12/2023 là 0 VND – xem thêm Mục 4.5;
- Toàn bộ giá trị hàng tồn kho với mức duy trì tối thiểu 15 tỷ VND – xem thêm Mục 4.4;
- Quyền đối với khoản phải thu đã và/hoặc sẽ hình thành trong tương lai với giá trị tối thiểu 15 tỷ VND – xem thêm Mục 4.2.

4.11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tại ngày 01/01	4.938.873.481	4.028.132.092
Trích lập trong năm	3.284.356.520	3.140.614.503
Thu khác	1.490.000	-
Sử dụng trong năm	(2.551.615.000)	(2.229.873.114)
Tại ngày 31/12	5.673.105.001	4.938.873.481

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Vốn chủ sở hữu****4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2022	15.182.180.000	16.940.617.710	1.518.200.000	14.764.370.985		48.405.368.695
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.725.636.132		15.725.636.132
Trích quỹ ĐTPT năm 2022	-	2.358.845.420	-	(2.358.845.420)		-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022	-	-	-	(3.140.614.503)		(3.140.614.503)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	(4.554.654.000)		(4.554.654.000)
Tại ngày 01/01/2023	15.182.180.000	19.299.463.130	1.518.200.000	20.435.893.194		56.435.736.324
Tăng vốn trong năm nay (*)	15.182.180.000	(15.182.180.000)	-	-		-
Lãi trong năm nay	-	-	-	16.468.647.332		16.468.647.332
Tạm trích quỹ ĐTPT năm 2023	-	2.470.297.100	-	(2.470.297.100)		-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023	-	-	-	(3.284.356.520)		(3.284.356.520)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	(5.313.763.000)		(5.313.763.000)
Tại ngày 31/12/2023	30.364.360.000	6.587.580.230	1.518.200.000	25.836.123.906		64.306.264.136

(*) Vào ngày 16 tháng 10 năm 2023, Công ty đã nhận được Quyết định số 1078/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội thông báo về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, việc phát hành cổ phiếu này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-SDN/ĐHCĐ2023 ngày 26 tháng 04 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/2023/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 05 năm 2023 với phương án phát hành 1.518.218 cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển tương ứng 100% lượng cổ phiếu đang lưu hành với mục đích tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 27 tháng 10 năm 2023, với tổng số cổ phiếu đã phát hành thêm là 1.518.218 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành để tăng vốn cổ phần. Theo đó, vốn điều lệ (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Công ty tăng từ 15.182.180.000 VND lên 30.364.360.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi)	9.110.880.000	4.555.440.000
Vốn góp của các đối tượng khác	21.253.480.000	10.626.740.000
Cộng	30.364.360.000	15.182.180.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.036.436	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.036.436	1.518.218
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.036.436	1.518.218

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	16.468.647.332	15.725.636.132
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(3.284.356.520)	(3.140.614.503)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	13.184.290.812	12.585.021.629
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm (**)	3.036.436	3.036.436
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	4.342	4.145

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là số tạm tính.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	1.518.218	1.518.218
Ảnh hưởng của 1.518.218 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 27 tháng 10 năm 2023 từ quỹ đầu tư phát triển được điều chỉnh tăng theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30	1.518.218	1.518.218
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.036.436	3.036.436

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12.5. Cổ tức**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Số dư đầu năm	-	-
Cổ tức phải trả	5.313.763.000	4.554.654.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(5.313.763.000)	(4.554.654.000)
Số dư cuối năm	-	-

4.12.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2023	19.299.463.130	1.518.200.000
Trích trong năm	2.470.297.100	-
Sử dụng trong năm- Tăng vốn chủ sở hữu	(15.182.180.000)	-
Tại ngày 31/12/2023	6.587.580.230	1.518.200.000

4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 23/07/2013	333.886.504	333.886.504
Xóa sổ theo NQ HĐQT ngày 31/07/2015	1.111.934.750	1.111.934.750

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng	91.728.002.636	108.734.588.888
Doanh thu gia công	24.662.572.562	34.103.184.839
Cộng	116.390.575.198	142.837.773.727
Trong đó, doanh thu bán hàng cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	42.250.975	24.432.399

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chiết khấu thương mại	4.639.430.908	12.596.205.592
Hàng bán bị trả lại	1.215.706.684	1.484.940.029
Cộng	5.855.137.592	14.081.145.621

Các khoản giảm trừ doanh thu giảm đáng kể so với năm trước do trong năm Công ty chủ yếu đã thực hiện chiết khấu giảm trực tiếp trên từng lần bán hàng, dẫn đến các khoản chiết khấu thương mại thực hiện định kỳ cho khách hàng năm nay giảm.

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán hàng	61.089.475.621	67.961.914.714
Giá vốn gia công	18.923.743.680	23.056.726.722
Cộng	80.013.219.301	91.018.641.436

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ thanh lý, bán các khoản đầu tư tài chính	10.208.925.000	8.049.760.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.075.802	126.968.571
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.571.500	34.627.120
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	380.000.000
Cộng	10.245.572.302	8.591.355.691

5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chiết khấu thanh toán	3.387.377.360	3.358.498.564
Lãi tiền vay	1.386.022.332	766.261.779
Lỗ chênh lệch tỷ giá	19.506.827	67.204.824
Cộng	4.792.906.519	4.191.965.167



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí vật liệu, bao bì	1.129.422.181	1.357.365.066
Chi phí khấu hao TSCĐ	52.144.074	143.924.375
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	2.411.264.611	6.502.966.026
Chi phí dịch vụ mua ngoài	516.894.403	495.889.340
Chi phí bằng tiền khác	2.622.452.764	2.892.700.898
Cộng	6.732.178.033	11.392.845.705

Chi phí bán hàng năm nay giảm hơn 41% so với năm trước chủ yếu do Công ty đã tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại gồm khuyến mãi, quảng cáo,...trong năm trước để đẩy mạnh bán hàng sau đại dịch Coronavirus. Năm nay, Công ty đã giảm các hoạt động xúc tiến thương mại này làm chi phí bán hàng giảm đáng kể.

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	6.086.652.891	7.540.842.973
Chi phí vật liệu quản lý	544.173.243	601.380.112
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.451.661	149.820.394
Chi phí khấu hao TSCĐ	298.715.544	296.503.044
Thuế, phí và lệ phí	129.246.573	154.075.115
Chi phí dịch vụ mua ngoài	498.063.789	575.754.972
Chi phí bằng tiền khác	4.233.095.358	3.672.769.889
Cộng	11.889.399.059	12.991.146.499

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập từ cho thuê và quản lý kho	3.150.530.048	1.731.359.448
Thu nhập từ xử lý vật tư, hàng hóa thừa	972.882.885	477.466.322
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	36.363.636
Thu nhập khác	190.318.073	251.853.627
Cộng	4.313.731.006	2.497.043.033

Thu nhập khác tăng hơn 73% so với năm trước chủ yếu từ hoạt động cho thuê và quản lý kho tăng mạnh do thời gian cho thuê kho tăng trong năm.

2361
 CÔNG
 TNHH
 TOÁN
 M VIÊN
 HỒ H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.607.332.283	68.423.271.943
Chi phí nhân công	25.271.492.405	30.877.346.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.022.192.994	1.607.511.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.152.436.678	13.932.468.205
Chi phí khác bằng tiền	6.971.389.514	6.507.995.742
Cộng	95.024.843.874	121.348.593.424

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	20.749.786.533	19.801.352.288
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.769.335.396	1.041.118.119
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(413.425.926)	(807.272.728)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	22.105.696.003	20.035.197.679
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	4.421.139.201	4.007.039.536
Cộng: Truy thu thuế TNDN các năm trước theo Quyết định 141/QĐ-CTDON ngày 27/01/2022	-	65.907.259
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.421.139.201	4.072.946.795

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như:

- Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Chi phí trích trước chưa có hóa đơn;
- Thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	36.207.347.768	33.796.973.888

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	42.071.764.871	15.886.050.916

*(Xem tiếp trang sau)*C.T. SƠN ĐỒNG NAI
VĂN
M
HI MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn các loại
- Gia công sơn

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần						
Từ khách hàng bên ngoài	85.872.865.044	94.653.443.267	24.662.572.562	34.103.184.839	110.535.437.606	128.756.628.106
Cộng	85.872.865.044	94.653.443.267	24.662.572.562	34.103.184.839	110.535.437.606	128.756.628.106
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận	9.719.327.079	8.459.384.555	2.181.314.134	4.894.609.911	11.900.641.213	13.353.994.466
Thu nhập tài chính					10.245.572.302	8.591.355.691
Chi phí tài chính					(4.792.906.519)	(4.191.965.167)
Thu nhập khác					4.313.731.006	2.497.043.033
Chi phí khác					(917.251.469)	(449.075.735)
Lợi nhuận trước thuế					20.749.786.533	19.801.352.288
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(4.281.139.201)	(4.075.716.156)
Lợi nhuận sau thuế					16.468.647.332	15.725.636.132

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tài sản của bộ phận	39.259.281.503	41.462.343.028	5.260.787.282	5.152.034.497	44.520.068.785	46.614.377.525
Tài sản không phân bổ					60.638.158.390	59.241.028.075
Tổng tài sản					105.158.227.175	105.855.405.600

Sản xuất sơn các loại

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nợ phải trả của bộ phận	31.031.238.468	38.181.638.156	-	-	31.031.238.468	38.181.638.156
Nợ phải trả không phân bổ					9.820.724.571	11.238.031.120
Tổng nợ phải trả					40.851.963.039	49.419.669.276

Sản xuất sơn các loại

	Sản xuất sơn các loại		Gia công sơn		Tổng cộng	
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí mua sắm tài sản	133.438.000	67.890.000	-	-	133.438.000	67.890.000
Chi phí khấu hao	808.845.642	1.388.078.856	213.347.352	219.432.279	1.022.192.994	1.607.511.135

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu tại tỉnh Đồng Nai, Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi) 2. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi 3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi 4. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai 5. Công ty TNHH Thiên Nhất Thiên 6. Công ty TNHH Phương Đông 7. Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc (TGD) | <p>Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể Công ty trong cùng tập đoàn</p> <p>Công ty trong cùng tập đoàn</p> <p>Công ty trong cùng tập đoàn</p> <p>Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt</p> <p>Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt</p> <p>Nhân sự quản lý chủ chốt</p> |
|---|---|

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.7:		
Công ty TNHH Thiên Nhất Thiên	65.691.038	945.497.958

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bán hàng – Xem thêm Mục 5.1:		
Công ty TNHH Phương Đông	42.250.975	24.432.399
Mua hàng, nhận dịch vụ:		
Công ty TNHH Thiên Nhất Thiên	2.478.314.325	3.217.338.002
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	238.616.850	256.535.602
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	104.761.000	70.177.968
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	48.280.000	41.550.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	26.776.035	41.357.885
Công ty TNHH Phương Đông	-	24.432.399
Cộng	2.896.748.210	3.651.391.856

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức đã trả:			
	Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	1.594.404.000	1.366.632.000
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:			
		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thù lao và thu nhập			
	Ông Nguyễn Phạm Thuyên	541.345.000	588.548.000
	Ông Nguyễn Đức Nhiên	580.679.000	633.046.000
	Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	101.692.000	53.328.000
	Ông Đào Đình Đề	112.592.000	107.192.000
	Ông Trần Trung Kiên	112.592.000	107.192.000
	Ông Liu Chien Hung	-	53.328.000
	Ông Huỳnh Nguyễn Thanh Uyên	382.256.000	440.958.000
Cộng		1.831.156.000	1.984.128.000
Cổ tức đã trả			
	Ông Nguyễn Phạm Thuyên	14.000.000	12.000.000
	Ông Nguyễn Đức Nhiên	23.100.000	19.800.000
	Bà Vũ Nguyễn Thị Hạnh	5.950.000	5.100.000
	Ông Đào Đình Đề	284.844.000	244.152.000
	Ông Liu Chien Hung	-	448.059.000
		327.894.000	729.111.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Đặng Lê Bích Phượng	Trưởng Ban Kiểm soát	112.592.000	107.192.000
Bà Bùi Thị Thuỳ Liên	Thành viên	64.396.000	60.296.000
Bà Trịnh Thị Ngọc Hương	Thành viên	64.396.000	60.296.000
Cộng		241.384.000	227.784.000

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 48 năm, với tiền thuê cố định mỗi năm:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	238.616.850	256.535.602

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Từ 1 năm trở xuống	283.953.928	283.953.928
Trên 1 năm đến 5 năm	686.252.061	686.252.061
Trên 5 năm	2.745.008.244	2.882.258.656
Cộng	3.715.214.233	3.852.464.645

11. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2022 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2022 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.145	8.289
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.145	8.289

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do trong năm Công ty đã tăng vốn cổ phần từ quỹ đầu tư phát triển vào ngày 27 tháng 10 năm 2023, do đó, theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 Lãi trên cổ phiếu, chỉ tiêu Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại nhằm bảo đảm tính so sánh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 28/2024/NQ-HĐQT thông qua ngày 25/01/2024, Công ty đã phê duyệt phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ là 5% mệnh giá cổ phần (500 đồng/cổ phần), tương ứng với số tiền là 1.518.218.000 VND. Ngày chi trả cổ tức dự kiến trong quý 1 năm 2024.

Ngoài việc công bố cổ tức như đã nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.




Nguyễn Đức Nhiên
Tổng Giám đốc


Huỳnh Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng


Nguyễn Bắc Trung
Người lập

Đồng Nai, ngày 23 tháng 02 năm 2024